

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 09-8-2017

V/v Tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông PHẠM HẢI DUY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông TRẦN VĂN HÀI

2. Ông MÃ THANH TRUNG

- Thư ký phiên tòa: Ông LƯƠNG THẾ VINH – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa: (không có)*

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh
Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2017/TLST- HNGĐ ngày
04 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản

khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NGUYỄN VĂN S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 16, ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị PHẠM THỊ PH, sinh năm 1991.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: tổ 16, ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: 06, ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Anh Nguyễn Văn S có mặt, chị Phạm Thị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 04/4/2017 nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:

Do quen biết nên anh S và chị Phạm Thị P kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Quan hệ hôn nhân hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Về con chung: có 02 đứa tên là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 24/12/2013, hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh S.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay anh S yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị P.

Về con chung: Anh S yêu cầu được nuôi hết 02 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 24/12/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị Phương cấp dưỡng nuôi

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị P vắng mặt:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là chị Phạm Thị P vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là chị Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn, từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không những không được cải thiện mà ngày càng xa cách, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 24/12/2013, hiện đang ở cùng với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung. Cho nên, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 24/12/2013 của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 của Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị P.

[2] Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 24/12/2013 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị P khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Nguyễn Văn S khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí HNST: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), anh S đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06636 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện

không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY